

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU TẠI BỆNH VIỆN NHI HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 315/QĐ-BVNNHN ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Bệnh viện Nhi Hà Nội về việc ban hành giá dịch vụ theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện Nhi Hà Nội)

ĐVT: đồng							Chênh lệch giá DV-gia theo NQ45	Ghi chú
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Giá BHYT theo NQ45/2024		
I	Dịch vụ theo yêu cầu							
1	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	Lần	Bán lẻ	33.000	10/10/2025		33.000	
2	Chăm sóc ống nội khí quản (1 lần)	Lần	Bán lẻ	200.000	10/10/2025		200.000	
3	Bơm surfactant trong điều trị suy hô hấp sơ sinh (Qua nội khí quản)	Lần	Bán lẻ	200.000	10/10/2025		200.000	
4	Vỗ rung lồng ngực (bằng tay)	Lần	Bán lẻ	100.000	10/10/2025		100.000	
II	Dịch vụ giường							
1	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bông: Loại 1 (phòng 1 giường)	Ngày	Bán lẻ	2.900.400	10/10/2025	400.400	2.500.000	Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế
2	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bông: Loại 2 (phòng 1 giường)	Ngày	Bán lẻ	2.864.400	10/10/2025	364.400	2.500.000	Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế
3	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bông:Loại 3 (phòng 1 giường)	Ngày	Bán lẻ	2.820.700	10/10/2025	320.700	2.500.000	Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế
4	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bông: Loại 4 (phòng 1 giường)	Ngày	Bán lẻ	2.786.700	10/10/2025	286.700	2.500.000	Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế
5	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bông: Loại 1 (phòng 2 giường)	Ngày	Bán lẻ	1.600.400	10/10/2025	400.400	1.200.000	Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế
6	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bông: Loại 2 (phòng 2 giường)	Ngày	Bán lẻ	1.564.400	10/10/2025	364.400	1.200.000	Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Giá BHYT theo NQ45/2024	Chênh lệch giá DV-giá theo NQ45	Ghi chú
7	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bông: Loại 3 (phòng 2 giường)	Ngày	Bán lẻ	1.520.700	10/10/2025	320.700	1.200.000	Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế
8	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bông: Loại 4 (phòng 2 giường)	Ngày	Bán lẻ	1.486.700	10/10/2025	286.700	1.200.000	Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế
9	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bông: Loại 1 (phòng 3- 4 giường)	Ngày	Bán lẻ	1.100.400	10/10/2025	400.400	700.000	Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế
10	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bông: Loại 2 (phòng 3- 4 giường)	Ngày	Bán lẻ	1.064.400	10/10/2025	364.400	700.000	Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế
11	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bông: Loại 3 (phòng 3- 4 giường)	Ngày	Bán lẻ	1.020.700	10/10/2025	320.700	700.000	Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế
12	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bông: Loại 4 (phòng 3- 4 giường)	Ngày	Bán lẻ	986.700	10/10/2025	286.700	700.000	Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế
13	Ngày giường bệnh Nội khoa: Loại 2 (phòng 1 giường)	Ngày	Bán lẻ	2.773.800	10/10/2025	273.800	2.500.000	Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế
14	Ngày giường bệnh Nội khoa: Loại 2 (phòng 2 giường)	Ngày	Bán lẻ	1.473.800	10/10/2025	273.800	1.200.000	Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế
15	Ngày giường bệnh Nội khoa: Loại 2 (phòng 3-4 giường)	Ngày	Bán lẻ	973.800	10/10/2025	273.800	700.000	Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế

2. Mức giá trên không bao gồm thuế giá trị gia tăng (Do dịch vụ khám bệnh chữa bệnh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng).

